

Số: ~~421~~ /TTr-BIDV

Hà Nội, ngày ~~24~~ tháng ~~4~~ năm ~~2025~~

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025

Thực hiện tầm nhìn phát triển Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trở thành định chế tài chính hàng đầu khu vực Đông Nam Á và tiếp tục nâng cao vị thế, vai trò của BIDV thông qua tăng năng lực tài chính nói chung và năng lực vốn nói riêng phục vụ hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 về phương án tăng vốn điều lệ như sau:

I. Kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024: 68.975.152.680.000 đồng.
- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2025 (ngày 28/2/2025, BIDV đã hoàn thành tăng vốn điều lệ 1.238.466.490.000 đồng theo phương án phát hành riêng lẻ được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/NQ-BIDV ngày 7/1/2025): 70.213.619.170.000 đồng.

II. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 21.656.140.470.000 đồng, trong đó:
 - + Tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4.985.166.960.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu: 13.972.510.210.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng: tối đa 2.698.463.300.000 đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 91.869.759.640.000 đồng (tăng 30,8% so với số vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2025).

2. Thông tin về cổ phiếu phát hành thêm

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 2.165.614.047 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 498.516.696 cổ phiếu;
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023: 1.397.251.021 cổ phiếu;

+ Phát hành thêm cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng: 269.846.330 cổ phiếu;

3. Nguồn tiền dùng để tăng vốn điều lệ:

- Từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4.985.166.960.000 đồng.
- Từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023: 13.972.510.210.000 đồng.
- Từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng: tối đa 2.698.463.300.000 đồng.

4. Các đợt phát hành dự kiến:

4.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 498.516.696 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): tối đa 4.985.166.960.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện: Dự kiến 7,1% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025.

- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

4.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 1.397.251.021 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): tối đa 13.972.510.210.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện: Dự kiến 19,9% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025 (trong trường hợp đã hoàn thành tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ thì tỷ lệ phát hành là 18,5807%).

- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

4.3. Phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng:

- Mục đích chào bán: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của ngân hàng.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: tối đa 269.846.330 cổ phiếu.
- Giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá): tối đa 2.698.463.300.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện: Tối đa **3,84%** số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh số lượng và tỷ lệ cổ phiếu chào bán trên cơ sở phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền.
- Đối tượng chào bán:
 - + Đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Các nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và là tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, có thể bao gồm một hoặc một số cổ đông hiện hữu của BIDV. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng các yêu cầu và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư.
 - + Đối tượng chào bán ra công chúng: Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.
- Phương thức chào bán:
 - + Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Chào bán thêm cổ phiếu thông qua phương thức phát hành riêng lẻ.
 - + Chào bán ra công chúng: Chào bán thêm cổ phiếu thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư: ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán:
 - + Đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định giá cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư theo nguyên tắc xác định giá phù hợp với quy định pháp luật và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước thẩm quyền.
 - + Đối với chào bán cổ phiếu ra công chúng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật về cách xác định giá khởi điểm và phù hợp với tình hình biến động giá thị trường của cổ phiếu BID tại thời điểm tiến hành đấu giá, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá khởi điểm phù hợp với

18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

ML

quy định pháp luật và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đầu giá thành công và tối đa hóa giá trị huy động vốn từ đợt chào bán.

- Hạn chế chuyển nhượng:
- + Đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- + Đối với chào bán cổ phiếu ra công chúng: Cổ phiếu bán thành công cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến năm 2025-2026, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

III. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm

1. Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của BIDV với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

2. Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của BIDV.

3. Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng cho các hoạt động:

- Hoạt động tín dụng: tăng trưởng đáp ứng yêu cầu vốn cho nền kinh tế gắn với tập trung cơ cấu danh mục tín dụng, cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), doanh nghiệp FDI có tiềm năng phát triển; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh, tín dụng bán lẻ.

- Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, ngân hàng số, chuyển đổi hoạt động: Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đem lại tiện ích, dịch vụ tốt, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế.

- Hoạt động đầu tư: Tiếp tục đầu tư có hiệu quả trên thị trường.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của mạng lưới kinh doanh: Mở rộng, nâng cao chất lượng kênh phân phối gắn với phát triển thương hiệu BIDV.

IV. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm:

1. Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BIDV chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, Điều lệ của BIDV và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ.

2. Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BIDV được đối xử bình đẳng và được hưởng quyền lợi của cổ đông theo quy định của pháp luật.

V. Kính trình Đại hội đồng cổ đông

1. **Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn theo đề xuất nêu trên** (Phương án chi tiết đính kèm).

2. Ủy quyền cho HĐQT BIDV:

- Điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ, bao gồm các phương án, hình thức phát hành cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (mức giá, số lượng cổ phiếu phát hành, đối tượng phát hành, thời điểm phát hành...); Phương án sử dụng vốn sau phát hành, tiến độ sử dụng vốn tăng thêm nhằm triển khai hiệu quả việc tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của BIDV, các quy định của Pháp luật, Điều lệ BIDV và đảm bảo quyền lợi của cổ đông BIDV.

- Quyết định thời gian sử dụng số tiền thu được và chủ động phân bổ số tiền sử dụng cho từng hoạt động nêu tại Điều III tờ trình này sao cho phù hợp với tình hình tăng trưởng tín dụng của thị trường và tình hình hoạt động của BIDV, tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

- Quyết định lộ trình phát hành đối với từng đợt chào bán phù hợp với nhu cầu vốn của Ngân hàng và trên cơ sở phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền nếu cần.

- Đối với phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng: căn cứ tình hình thực tế, quyết định khối lượng chào bán chính thức cho nhà đầu tư, hoàn thiện phương án chào bán chi tiết, thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; rà soát, chỉnh sửa Phương án theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật; quyết định mức giá khởi điểm dựa theo nguyên tắc xác định giá khởi điểm và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đấu giá thành công và tối đa hóa giá trị huy động vốn từ đợt chào bán; quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Đối với phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết trong đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.


- Trên cơ sở phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về Phương án phát hành cổ phiếu, quyết định các nội dung triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm lợi ích tổng thể của BIDV và các cổ đông.

- Thực hiện các thủ tục tăng vốn cần thiết theo quy định của pháp luật, bao gồm thủ tục xin phép các cơ quan có thẩm quyền; thủ tục thay đổi đăng ký kinh

doanh; thay đổi Vốn điều lệ; các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm và các thủ tục khác theo quy định hiện hành.

- Quyết định sửa đổi Điều lệ của BIDV đối với nội dung thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.

- Quyết định các nội dung khác có liên quan để triển khai Phương án tăng vốn điều lệ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TKHĐQT&QHCD, KH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đức Tú

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số **421**/TTr-BIDV ngày **24/4**/2025)

I. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ:

- Theo Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” được phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu là phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng thương mại đạt tối thiểu 11 - 12%.

- Tại Quyết định số 412/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/3/2022 phê duyệt Đề án cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030 đặt ra mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các Ngân hàng thương mại giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11 - 12%; đến năm 2030 duy trì tối thiểu 12%.

- Hiện tại hệ số CAR riêng lẻ của BIDV tại 31/12/2024 đạt ở mức 8,78%, đáp ứng trên mức yêu cầu tối thiểu của NHNN ($\geq 8\%$), tuy nhiên để phấn đấu đạt hệ số CAR theo định hướng của Chính phủ và ngành ngân hàng như nêu trên, BIDV cần tiếp tục gia tăng vốn tự có.

- Hiện nay, các nước trong khu vực đã thực hiện áp dụng Basel III hoặc một phần của Basel III. Theo định hướng của NHNN, BIDV đang nghiên cứu xây dựng lộ trình áp dụng Basel III. Để đảm bảo an toàn vốn đáp ứng quy định của NHNN và hướng dẫn tới thông lệ, BIDV cần tiếp tục gia tăng vốn tự có, trong đó tăng vốn điều lệ là một trong những nguồn tăng giữ vai trò nền tảng nâng cao chất lượng vốn cũng như tạo điều kiện cho các nguồn tăng thứ cấp khác.

- Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2025 của BIDV như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng/%

TT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025
1	Dư nợ tín dụng tổ chức kinh tế, cá nhân & trái phiếu doanh nghiệp	2.018.950	Khoảng 16% (theo chỉ đạo của NHNN trong từng thời kỳ)
2	Huy động vốn từ tổ chức, dân cư	2.135.271	Điều hành phù hợp sử dụng vốn, đảm bảo an toàn, hiệu quả
3	Lợi nhuận trước thuế	30.609	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Ghi chú: Các chỉ tiêu KHKD chính thức sẽ được cập nhật trên cơ sở phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

II. Căn cứ pháp lý:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

2. Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;

3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

4. Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

5. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

6. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

7. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

8. Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN; Thông tư số 13/2023/TT-NHNN ngày 31/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về cấp giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

9. Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

10. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

11. Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam có liên quan khác.

III. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024: 68.975.152.680.000 đồng.
- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2025 (sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ 1.238.466.490.000 đồng theo phương án phát hành riêng lẻ được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/NQ-BIDV ngày 7/1/2025): 70.213.619.170.000 đồng.
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: 21.656.140.470.000 đồng, trong đó:
 - + Tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4.985.166.960.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu: 13.972.510.210.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng: tối đa 2.698.463.300.000 đồng;
 - Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 91.869.759.640.000 đồng (tăng 30,8% so với số vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2025).

2. Thông tin về cổ phiếu phát hành thêm

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 2.165.614.047 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 498.516.696 cổ phiếu;
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023: 1.397.251.021 cổ phiếu;
 - + Phát hành thêm cho nhà đầu bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng: 269.846.330 cổ phiếu;

3. Nguồn tiền dùng để tăng vốn điều lệ:

- Từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4.985.166.960.000 đồng.
- Từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023: 13.972.510.210.000 đồng.
- Từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng: tối đa 2.698.463.300.000 đồng.

4. Các đợt phát hành dự kiến:

4.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:

Nội dung	Thông tin
- Tên cổ phiếu	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mã chứng khoán	BID
- Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông

Nội dung	Thông tin
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.021.361.917 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa	498.516.696 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	4.985.166.960.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành dự kiến	Dự kiến 7,1% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025. <i>Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</i>
- Đối tượng phát hành	Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ thực hiện quyền	100: 7,1
- Nguồn vốn phát hành	Từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Thời gian thực hiện	Năm 2025-2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

4.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023:

Nội dung	Thông tin
- Tên cổ phiếu	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mã chứng khoán	BID
- Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.021.361.917 cổ phiếu (chưa tính đến cổ phiếu tăng thêm khi phát hành cổ phiếu từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa	1.397.251.021 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	13.972.510.210.000 đồng

Nội dung	Thông tin
- Tỷ lệ phát hành dự kiến	Dự kiến 19,9% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025 (trong trường hợp đã hoàn thành tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ thì tỷ lệ phát hành là 18,5807%). <i>Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</i>
+ Tỷ lệ thực hiện quyền	100: 19,9 (trong trường hợp đã hoàn thành tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ thì tỷ lệ thực hiện quyền là 100: 18,5807).
- Đối tượng phát hành	Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.
- Nguồn vốn phát hành	Từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023.
- Thời gian thực hiện	Năm 2025-2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ:	Số lượng cổ phiếu để trả cổ tức phát hành cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

4.3. Phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng:

Nội dung	Thông tin
- Tên cổ phiếu	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mã chứng khoán	BID
- Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	269.846.330 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến	2.698.463.300.000 đồng
- Tỷ lệ chào bán	Tối đa 3,84% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/3/2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh số lượng và tỷ lệ cổ phiếu chào bán trên cơ sở phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền.
- Đối tượng chào bán	
Chào bán riêng lẻ	Các nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và là nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, có thể bao gồm một hoặc một số cổ đông hiện hữu của BIDV. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể

Nội dung	Thông tin
	nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng các yêu cầu trên.
Chào bán ra công chúng	Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.
- Phương thức chào bán	
Chào bán riêng lẻ	Chào bán thêm cổ phiếu thông qua phương thức phát hành riêng lẻ.
Chào bán ra công chúng	Chào bán thêm cổ phiếu thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư	ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán	
Chào bán riêng lẻ	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định giá cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư theo nguyên tắc xác định giá phù hợp với quy định pháp luật và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước thẩm quyền.
Chào bán ra công chúng	Đảm bảo đúng quy định của pháp luật về cách xác định giá khởi điểm và phù hợp với tình hình biến động giá thị trường của cổ phiếu BID tại thời điểm tiến hành đấu giá, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá khởi điểm phù hợp với quy định pháp luật và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đấu giá thành công và tối đa hóa giá trị huy động vốn từ đợt chào bán.
- Hạn chế chuyển nhượng	
Chào bán riêng lẻ	Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
Chào bán ra công chúng	Cổ phiếu bán thành công cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Thời gian thực hiện	Dự kiến năm 2025-2026, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi

Nội dung	Thông tin
	nhận được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài
- Lưu ký và niêm yết bổ sung	Cổ phần chào bán thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm:

Toàn bộ cổ phiếu phát hành thành công theo phương án được phê duyệt sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi kết thúc các đợt phát hành.

HĐQT BIDV cam kết thực hiện niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại SGDCK TP Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Kế hoạch thực hiện:

Thời gian phát hành: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

Thời điểm chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng): ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

Thủ tục xác định danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng và phân bổ cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông theo danh sách: thực hiện theo quy trình thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

7. Các nguyên tắc khác:

Tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư vào lĩnh vực tài chính: HĐQT cam kết đảm bảo các cổ đông, nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của BIDV tuân thủ quy định về đầu tư vào lĩnh vực tài chính.

Các tổ chức, cá nhân tham gia mua cổ phiếu của BIDV phải chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ BIDV và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VI. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm:

Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của BIDV với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp

được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của BIDV.

Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng cho các hoạt động:

- **Hoạt động tín dụng:** tăng trưởng đáp ứng yêu cầu vốn cho nền kinh tế gắn với tập trung cơ cấu danh mục tín dụng, cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), doanh nghiệp FDI có tiềm năng phát triển; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh, tín dụng bán lẻ.
- **Hoạt động đầu tư:** Tiếp tục đầu tư có hiệu quả trên thị trường; đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, thực hiện đầu tư vào các đơn vị theo lộ trình.
- **Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, ngân hàng số, chuyển đổi hoạt động:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đem lại tiện ích, dịch vụ tốt nhất, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế, dành nguồn lực để phát triển các sản phẩm dịch vụ cho phân khúc khách hàng giàu có, tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập; nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ...
- **Nâng cao năng lực cạnh tranh của mạng lưới kinh doanh:** Mở rộng, nâng cao chất lượng kênh phân phối hiện đại trong nước, khu vực và trên thế giới gắn với phát triển thương hiệu BIDV.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN VỀ NGUỒN VỐN ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ TĂNG VỐN

1. Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại 31/12/2023 (theo báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2023): 5.083.515 triệu đồng.

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để tăng vốn: 4.985.166,96 triệu đồng.

2. Nguồn Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Công thức	PPLN 2023
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.374.934
2	Điều chỉnh do thay đổi lợi nhuận năm trước		(2.685)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	$(3) = (1) + (2)$	21.372.249
4	Tổng số trích lập quỹ	$(4) = (4.1) + (4.2) + (4.3) + (4.4)$	7.379.200
4.1	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	$(4.1) = (3) * 10\%$	2.137.225
4.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	$(4.2) = (3) * 2\%$	427.445
4.3	Trích quỹ dự phòng TC	$(4.3) = (3) * 10\%$	2.137.225
4.4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		2.677.305
5	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	$(5) = (3) - (4)$	13.993.049
6	Lợi nhuận phát sinh từ đánh giá chênh lệch số dư ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn		
7	Lợi nhuận còn lại trước chi trả cổ tức		13.993.049
8	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	$(8) = (8.1) * (8.2)$	13.972.510
8.1	Tỷ lệ chia cổ phiếu		19,90%
8.2	Vốn điều lệ		70.213.619
9	Lợi nhuận còn lại	$(9) = (7) - (8)$	20.539



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN,
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN,
THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
(Tại ngày chốt danh sách cổ đông 10/3/2025)

Vốn điều lệ: 70.213.619.170.000 đồng
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 7.021.361.917 cổ phần
Tỷ lệ phát hành thêm: 27%
Nguồn phát hành: Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ và nguồn Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2023

1. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Số CCCD/CMND/Hộ chiếu của người có liên quan là cá nhân/ người đại diện theo pháp luật	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Số cổ phần phát hành thêm	Giá trị cổ phần phát hành thêm (triệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	69/QĐ-NH5	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng				Thống đốc	5.586.154.083	79,56%	1.508.261.602	15.082.616	7.094.415.685	79,56%
	Được đại diện bởi:													
1,1	Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 25% vốn Nhà nước								1.396.538.522	19,89%	377.065.401	3.770.654,01	1.773.603.923	19,89%
1,2	Ông Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV, đại diện 15% vốn Nhà nước								837.923.113	11,93%	226.239.241	2.262.392	1.064.162.354	11,93%
1,3	Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,4	Ông Quách Hùng Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,5	Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,6	Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,7	Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,8	Ông Đặng Văn Tuyên - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
2	KEB HANA BANK, CO., LTD	CC2259	35, EULJI-RO, JUNG-GU SEOUL REPUBLIC OF KOREA SEOUL	Lee Ho Sung	M352M8890	01/02/2023	Bộ Ngoại giao Hàn Quốc	Tổng giám đốc	1.034.627.290	14,74%	279.349.368	2.793.493,68	1.313.976.658	14,74%

2. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Số CCCD/CMND/ Hộ chiếu của người có liên quan là cá nhân/ người đại diện theo pháp luật	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Số cổ phần phát hành thêm	Giá trị cổ phần phát hành thêm (triệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	69/QĐ-NH5	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng				Thống đốc	5.586.154.083	79,56%	1.508.261.602	15.082.616	7.094.415.685	79,56%
	Được đại diện bởi:													
1,1	Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 25% vốn Nhà nước								1.396.538.522	19,89%	377.065.401	3.770.654	1.773.603.923	19,89%
1,2	Ông Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV, đại diện 15% vốn Nhà nước								837.923.113	11,93%	226.239.241	2.262.392	1.064.162.354	11,93%
1,3	Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,4	Ông Quách Hùng Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,5	Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,6	Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,7	Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%
1,8	Ông Đặng Văn Tuyên - Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, đại diện 10% vốn Nhà nước								558.615.408	7,96%	150.826.160	1.508.262	709.441.568	7,96%

3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Số cổ phần phát hành thêm	Giá trị cổ phần phát hành thêm (triệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
Nhà đầu tư nước ngoài	1.239.162.276	17,65%	334.573.814	3.345.738	1.573.736.090	17,65%

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

nhm

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM